



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG

SỔ TAY SINH VIÊN

**Ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu
(Khóa 47)**

*(Thông tin dành cho sinh viên hệ chính quy
tại Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông, nhập học năm 2021)*

Cần Thơ, Tháng 09/2021

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	v
PHẦN I	1
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG	1
Chương 1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ	2
Chương 2 KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	3
Chương 3 BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG	5
PHẦN II	7
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU	7
Chương 4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU	8
Chương 5 KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU	13
PHẦN III	16
TƯ VẤN SINH VIÊN VÀ CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý	16
Chương 6 TƯ VẤN SINH VIÊN	17
1. Chương trình đào tạo sinh viên ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu có các định hướng nào?	17
2. Tổ chức, cơ quan, công ty tuyển dụng sinh ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	17
3. Ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu khác với các ngành Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm như thế nào?	17
4. Vị trí việc làm của Kỹ sư Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu là gì? ..	17
5. Sinh viên tốt nghiệp ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu có thể làm việc ở đâu?	18
6. Sinh viên ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu cần bổ sung những môn học và kiến thức gì để chuyển sang các ngành khác trong nhóm ngành Công nghệ thông tin?	18
7. Các khó khăn trong học tập thường gặp phải là gì?	18
9. Nghiên cứu khoa học	21
10. Hỗ trợ học tập và tham quan thực tế	22

11. Các kỹ năng sinh viên cần rèn luyện khi trở thành sinh viên	22
Chương 7 NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ HỌC VỤ DÀNH CHO SINH VIÊN	23
1. Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	23
1.1 Quy chế đào tạo đại học chính quy	23
1.2 Quy trình đăng ký môn học.....	23
2. Tín chỉ, tiết học và khối lượng chương trình đào tạo	23
3. Quy trình đăng ký học phần.....	23
4. Xóa và mở thêm lớp học phần.....	24
5. Đăng ký học lại.....	24
6. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ.....	24
7. Giờ lên lớp	25
8. Học cùng lúc hai chương trình.....	25
9. Đánh giá học phần	26
10. Điểm học phần	27
11. Số lần thi, tổ chức thi và vắng thi.....	28
12. Quy định về thi và kiểm tra	28
13. Các hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy định về thi và kiểm tra... 29	
14. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy	29
15. Thông báo kết quả học tập	30
16. Xếp hạng năm đào tạo	30
17. Điểm rèn luyện	31
18. Xếp loại và khen thưởng	31
19. Điều kiện xét tốt nghiệp	32
20. Sinh viên nghỉ học tạm thời	32
21. Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học 33	
Sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học vụ	33
Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 học kỳ	33
Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 năm.....	33
Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học.....	33
22. Điều kiện đi thực tập thực tế và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.....	33
23. Học phần tương đương.....	34

Xét công nhận học phần tương đương	34
24. Các loại học phần	34
25. Học bổng và trợ cấp xã hội	34
26. Học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	35
27. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng sinh viên.....	35
28. Điều chỉnh thông tin cá nhân.....	36
29. Tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự.....	36
30. Hồ sơ vay vốn ở địa phương	36
31. Thực hiện công tác xã hội	36

LỜI NÓI ĐẦU

Chào mừng bạn là sinh viên Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông, ĐHCT!

Quyển sổ tay này được cung cấp cho mỗi khóa sinh viên để giúp sinh viên hiểu được các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường, Khoa và Bộ môn. Sổ tay sinh viên cũng cung cấp cho sinh viên chương trình và kế hoạch đào tạo, tư vấn cho sinh viên về nghề nghiệp, thông tin về các dịch vụ tiện ích mà sinh viên thụ hưởng trong suốt thời gian theo học tại Trường, những quy định cần lưu ý liên quan đến học tập và rèn luyện của sinh viên.

Từ các hiểu biết về chương trình đào tạo, tham gia các hoạt động đào tạo và rèn luyện, tuân thủ các quy định của Trường, cũng như sử dụng các dịch vụ tiện ích, sinh viên có thể tự tổ chức, lập kế hoạch học tập và rèn luyện một cách chủ động để hoàn thành chương trình học tập một cách hiệu quả nhất và đảm bảo quyền lợi của mình.

Trong suốt quá trình đào tạo, những thông tin cập nhật sẽ được Trường, Khoa, Bộ môn thông báo tới các sinh viên qua email và phổ biến trên các kênh thông tin sau:

- Website ĐHCT: <http://www.ctu.edu.vn>
- Trang tin Phòng Đào tạo: <https://daa.ctu.edu.vn>
- Trang fanpage Phòng đào tạo <https://www.facebook.com/daa.ctu.edu.vn>
- Trang tin Phòng Công tác sinh viên: <https://dsa.ctu.edu.vn>
- Trang quản lý đào tạo: <https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php>
- Website Khoa CNTT&TT: <http://www.cit.ctu.edu.vn>
- Trang fanpage Bộ môn MMT-TT: <https://www.facebook.com/cnc.cit.ctu>
- Hệ thống hỗ trợ đào tạo: <https://elcit.ctu.edu.vn>
<https://else.ctu.edu.vn>
- Groupmail của lớp sinh viên: [Mã lớp]@student.ctu.edu.vn
- Email sinh viên : [Tên+Mã sinh viên]@student.ctu.edu.vn

Sổ tay sinh viên và các kênh thông tin trên là rất cần thiết, vì vậy mỗi sinh viên cần thường xuyên sử dụng và theo dõi thông tin cập nhật trong suốt quá trình học tập của mình.

Chúc các bạn thành công!

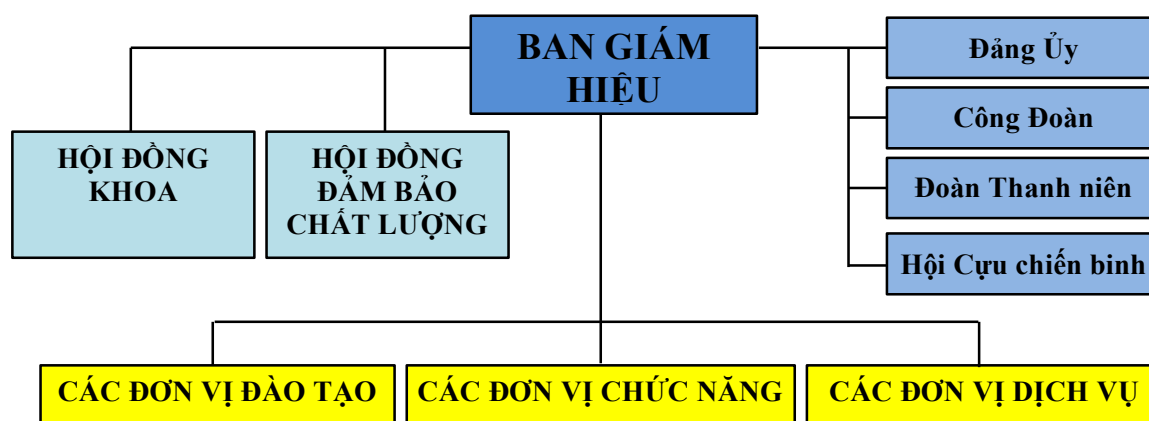
PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG

Chương 1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Viện Đại học Cần Thơ được thành lập ngày 31 tháng 3 năm 1966. Những năm đầu, Viện đào tạo các ngành về khoa học, luật, xã hội học, văn học, sư phạm và nông nghiệp. Sau 1975, Viện được đổi tên thành Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) và đào tạo chủ yếu khối ngành sư phạm và nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi và cơ khí.

Trường ĐHCT đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực với 2 chương trình bậc cao đẳng, 97 chương trình bậc đại học, 43 chương trình thạc sĩ và 16 chương trình nghiên cứu sinh (năm 2017). Sơ đồ tổ chức của ĐHCT như được trình bày trong Hình 1.1.



Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của ĐHCT

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Trường Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tầm nhìn

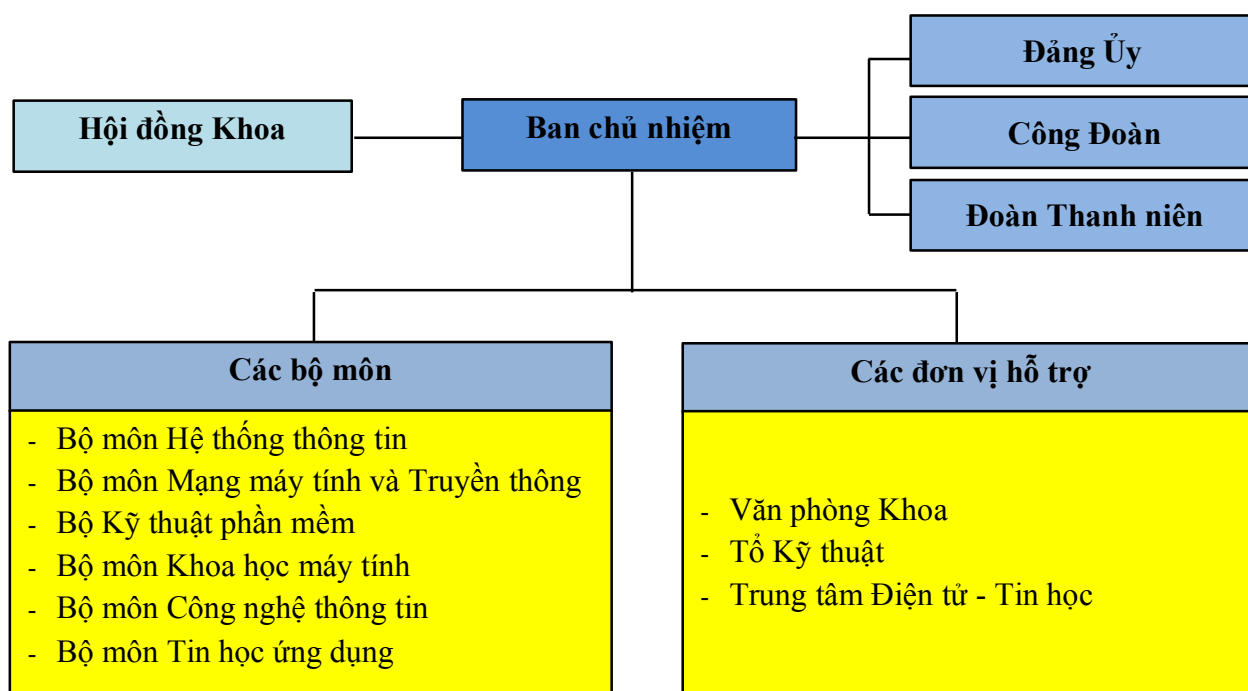
Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022.

Giá trị cốt lõi

Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

Chương 2 KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông (CNTT&TT) được thành lập vào năm 1994 trên cơ sở Trung tâm Điện Tử Tin học. Từ khi thành lập, CNTT&TT là một trong bảy khoa Công nghệ thông tin & Truyền thông trọng điểm của Việt Nam và nhận được sự quan tâm đáng kể nhờ vào các chương trình và dự án của Chương trình trọng điểm quốc gia về CNTT và Dự án nâng cao năng lực trong đào tạo đại học và sau đại học. Sơ đồ tổ chức của Khoa CNTT&TT được trình bày trong Hình 1.2.



Hình 1.2: Sơ đồ tổ chức Khoa CNTT&TT

Tính đến 8/2018, Khoa CNTT & TT có 92 cán bộ (71 giảng viên) trong đó có 26 tiến sĩ (5 Phó giáo sư), và 43 thạc sĩ. Khoa có 06 bộ môn và 02 đơn vị hỗ trợ như Hình 0.2.

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Khoa CNTT&TT là đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT&TT.

Tầm nhìn

Tầm nhìn đến năm 2020, Khoa là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học về CNTT&TT mạnh của cả nước, có vai trò nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và khu vực phía nam, đạt chuẩn chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực của các trường đại học tiên tiến và các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong khu vực và thế giới.

Hoạt động đào tạo

Khoa CNTT&TT cung cấp các chương trình đào tạo với nhiều mức độ khác nhau trong các lĩnh vực như trong Bảng 1.1.

Bảng 1.1: Các chương trình đào tạo tại khoa CNTT&TT (08/2018)

STT	Cấp	Số lượng	Tên chương trình đào tạo
1	Tiến sĩ	01	Hệ thống thông tin
2	Thạc sĩ	03	Hệ thống thông tin Khoa học máy tính Khai thác tri thức từ dữ liệu (liên kết với Đại học Nantes, Pháp)
3	Kỹ sư	05	Hệ thống thông tin Khoa học máy tính Kỹ thuật phần mềm Truyền thông và mạng máy tính Công nghệ thông tin

Bảng 1.1: Số lượng sinh viên thuộc mỗi cấp đào tạo tại Khoa CNTT&TT (09/2018)**Hoạt động nghiên cứu**

Khoa CNTT&TT hợp tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và đào tạo có hiệu quả với nhiều đối tác như University of Brest, University of Nantes, University of La Rochelle (France), the French Institute for Research & Development (IRD), the French Institute of Informatics (IFI, đặt tại Hanoi), the University of Kemi-Tornio (Finland), ... Nhiều đề tài nghiên cứu đã được hoàn thành. Các hoạt động hợp tác, NCKH đã giúp Khoa mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy, nâng cấp cơ sở vật chất và mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới.

Khoa CNTT&TT hợp tác với nhiều đối tác công nghiệp để cập nhật xu thế phát triển của khoa học - công nghệ và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Khoa cũng có mối quan hệ sâu rộng với nhiều tỉnh thành trong cả nước trong việc phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ. Khoa có tiềm lực nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực: E-learning và đào tạo từ xa, hệ thống thông tin địa lý, khai phá dữ liệu và nhận dạng, dự báo và mô phỏng, dữ liệu lớn và tính toán đám mây, an toàn hệ thống và an ninh mạng, truyền thông di động, internet vạn vật (IoT).

Chương 3 BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG

Bộ môn Mạng máy tính và Truyền thông (MMT-TT) được thành lập từ năm 2007. Trải qua quá trình phát triển trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hiện nay bộ môn có 16 cán bộ, trong đó có 1 Phó Giáo sư, 4 tiến sĩ, 11 thạc sĩ. Danh sách cán bộ cụ thể được cho trong Bảng 1.2.

Bảng 1.2: Danh sách nhân sự của Bộ môn MMT-TT (08/2019)

Họ tên	Email
1. PGS.TS. Đỗ Thanh Nghị, Trưởng bộ môn	dtngghi@cit.ctu.edu.vn
2. ThS. GV. Nguyễn Công Huy, Phó bộ môn	nchuy@cit.ctu.edu.vn
3. TS. GVC. Ngô Bá Hùng, Phó Trưởng khoa	nbhung@cit.ctu.edu.vn
4. ThS. GVC. Phạm Hữu Tài	phtai@cit.ctu.edu.vn
5. TS. GVC. Phan Thượng Cang	ptcang@cit.ctu.edu.vn
6. TS. GVC. Trần Thanh Điền	ttdien@ctu.edu.vn
7. ThS. GVC. Lưu Trùng Dương	luutd@ctu.edu.vn
8. ThS. NCS. Trần Thanh Điện	thanhdien@ctu.edu.vn
9. ThS. NCS. Lâm Chí Nguyên	lcnguyen@cit.ctu.edu.vn
10. ThS. NCS. Hà Duy An	hdan@cit.ctu.edu.vn
11. ThS. NCS. Nguyễn Hữu Vân Long	nhvlong@cit.ctu.edu.vn
12. TS. Trần Thị Tố Quyên	tranthitoquyen@cit.ctu.edu.vn
13. ThS. GV. Triệu Thanh Ngoan	ttngoan@cit.ctu.edu.vn
14. ThS. GV. Nguyễn Trọng Nghĩa	ntnghia@cit.ctu.edu.vn
15. ThS. GVC. Đoàn Hoà Minh	dhminh@cit.ctu.edu.vn
16. ThS. GVC. Nguyễn Hồng Vân	nhvan@cit.ctu.edu.vn

Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của Bộ môn MMT-TT là đào tạo Kỹ sư ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và xu thế phát triển của xã hội. Bộ môn tham gia nghiên cứu khoa học, hợp tác, tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu với các đối tác vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt nam. Ngoài ra, Bộ môn cũng phụ trách giảng dạy các học phần liên quan ở bậc đại học cho các ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Hệ

thống thông tin và tham gia giảng dạy cho chương trình sau đại học về Khoa học máy tính và các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Tầm nhìn

Tầm nhìn đến năm 2025, Bộ môn MMT&TT, Khoa CNTT&TT là đơn vị mạnh và uy tín, trong khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong 3 lĩnh vực chuyên sâu: hệ thống máy tính, mạng máy tính và tính toán hiệu năng cao, Big data. Đạt chuẩn chất lượng đào tạo theo chuẩn mực của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Đào tạo

Bộ môn MMT&TT tham gia hoạt động giảng dạy cho chương trình đại học và sau đại học về Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Khoa học máy tính và các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin. Chương trình Kỹ sư ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu được xây dựng từ năm 2007 dựa trên khung chương trình đào tạo của Hiệp hội Khoa học máy tính (ACM-Association for Computing Machinery) với sự phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt nam và liên tục được cải tiến định kỳ sau đó. **Chương trình đào tạo đã đạt chuẩn quốc tế AUN-QA vào năm 2021**; Chương trình giảng dạy được thiết kế theo hướng chuyên sâu về hệ thống máy tính, mạng máy tính, Big data và tính toán hiệu năng cao. Sinh viên được trang bị khối kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về: phát triển phần mềm trên thiết bị di động, phần mềm tự do nguồn mở, ứng dụng web, dịch vụ web, mô hình client-server, ứng dụng mạng, cài đặt, quản trị, khắc phục sự cố hệ thống mạng máy tính, an ninh mạng, robot, tính toán lưới, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, giải thuật song song, phân tán và internet kết nối vạn vật.

Nghiên cứu khoa học

Định hướng nghiên cứu của Bộ môn MMT-TT tập trung vào chuyên ngành hẹp như:

- Dữ liệu lớn
- Tính toán lưới và điện toán đám mây
- Giải thuật song song
- Internet kết nối vạn vật
- Mạng không dây
- Robot
- An ninh mạng
- Phần mềm tự do nguồn mở

Giảng viên đã chủ trì, tham gia, tư vấn, thực hiện chính hoặc phản biện cho nhiều đề tài các cấp từ cấp trường, cấp thành phố, cấp Bộ, và cấp Nhà nước. Giảng viên tích cực chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học hợp tác với TP. Cần thơ, An Giang và các Trường Đại học, Viện nghiên cứu của các nước tiên tiến như Pháp, Bỉ, Anh.

PHẦN II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU

Chương 4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU

Ngành: **Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu**

(Computer Networks & Data Communication)

Mã ngành: 7480102

Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn **Mạng máy tính và Truyền thông**, Khoa CNTT&TT

4.1 Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo kỹ sư Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu trình độ đại học:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật, quốc phòng - an ninh, trình độ lý luận chính trị; rèn luyện sức khỏe, đạo đức, ý thức xã hội, trách nhiệm nghề nghiệp theo các quy định hiện hành;
- Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về toán và công nghệ thông tin để vận dụng trong ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu;
- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ sở của khối ngành máy tính và công nghệ thông tin, đủ năng lực học tập các ngành gần và sau đại học sau này;
- Đào tạo sinh viên có năng lực phân tích, vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu thực tiễn về Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu của một tổ chức hay cá nhân trong cách mạng công nghiệp 4.0
- Rèn luyện sinh viên có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, năng lực ngoại ngữ, phong cách làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, tính khởi nghiệp đáp ứng yêu cầu toàn cầu hoá và học tập suốt đời.

4.2 Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu trình độ đại học, sinh viên nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

4.2.1 Kiến thức

Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Nắm vững kiến thức nền tảng về pháp luật, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp theo các quy định hiện hành;
- Nắm vững kiến thức nền tảng về toán học, máy tính và công nghệ thông tin;
- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

Khối kiến thức cơ sở ngành

- Nắm vững các kỹ thuật lập trình: cấu trúc, hướng đối tượng, web;
- Hiểu biết sâu rộng về nguyên lý hoạt động của các hệ thống máy tính, hệ điều hành, mạng máy tính;
- Có khả năng nhận định, phân tích vấn đề và xác định các yêu cầu tính toán phù hợp đối với các lĩnh vực: cấu trúc dữ liệu, thuật toán và trí thông minh nhân tạo, cơ sở dữ liệu, mô hình hóa hệ thống, từ đó đưa ra các giải pháp công nghệ thông tin theo yêu cầu của người dùng;

Khối kiến thức chuyên ngành

- Có thể đưa ra giải pháp cho các bài toán về phân tích, thiết kế, quản trị mạng máy tính;
- Nắm vững các quy trình và kỹ thuật để phát triển các ứng dụng mạng, ứng dụng di động, ứng dụng Web, ứng dụng phân tán, ứng dụng tính toán hiệu năng cao và trên dữ liệu lớn;
- Hiểu biết sâu về các nguyên lý đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng để xây dựng các giải pháp bảo mật cho hệ thống mạng của các cá nhân, tổ chức.

4.2.2 Kỹ năng**Kỹ năng cứng**

- Sử dụng thành thạo các phần mềm, công cụ đương đại trong việc phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, quản trị và bảo trì hệ thống máy tính, mạng máy tính, an ninh mạng và ứng dụng phân tán;
- Thành thạo kỹ năng lập trình đáp ứng yêu cầu của xu thế Công nghiệp 4.0: ứng dụng mạng, ứng dụng di động, ứng dụng Web, tính toán hiệu năng cao, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo.

Kỹ năng mềm

- Có thể giao tiếp thông dụng bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp; đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;
- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả: hình thành, vận hành, hợp tác, lãnh đạo nhóm;

4.2.3 Thái độ và nhận thức

- Hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp; tuân thủ đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và xã hội;
- Hình thành tính sáng tạo, tự chủ và thói quen học tập suốt đời.

4.2.4 Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên quản trị, chuyên trách về mạng máy tính, công nghệ thông tin ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Cán bộ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin ở các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Giảng viên công nghệ thông tin ở các trường trường đại học, cao đẳng, giáo viên trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;
- Chuyên viên tư vấn, phân tích, thiết kế, xây dựng, bảo trì mạng máy tính và an ninh

mạng;

- Lập trình viên trong các công ty thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

4.3 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025		I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031		I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032		I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60		FL003		I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL007		I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45		FL008		I,II,III
18	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
19	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
20	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
21	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
22	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
23	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				I,II,III
25	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
29	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
31	TN001	Vi - Tích phân A1	3	3		45				I,II,III
32	TN002	Vi - Tích phân A2	4	4		60		TN001		I,II,III
33	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I,II,III
34	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60				I,II,III
35	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			I,II
36	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		45	30			I,II,III
Cộng: 56 TC (Bắt buộc 41 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
37	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				I,II
38	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			I,II
39	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		I,II
40	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		I,II
41	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		I,II
42	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		I,II
43	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				I,II
44	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		I,II
45	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		I,II
46	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		I,II

SỔ TAY SINH VIÊN KHÓA 47

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
47	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30			I,II
48	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30			I,II
49	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			I,II
50	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			I,II
51	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				I,II
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 46 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
52	CT335	Thiết kế và cài đặt mạng	3	3		30	30	CT112		I,II
53	CT212	Quản trị mạng	3	3		30	30	CT112		I,II
54	CT428	Lập trình Web	3	3		30	30	CT180, CT176		I,II
55	CT221	Lập trình mạng	3	3		30	30	CT112, CT176		I,II
56	CT211	An ninh mạng	3	3		30	30	CT112		I,II
57	CT126	Lý thuyết xếp hàng	2		6	30				I,II
58	CT127	Lý thuyết thông tin	2			30				I,II
59	CT479	Phương pháp tính	3			30	30			I,II
60	CT121	Tin học lý thuyết	3			30	30	CT101		I,II
61	CT224	Công nghệ J2EE	2			15	30	CT176		I,II
62	CT225	Lập trình Python	2			20	20	CT176		I,II
63	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3			30	30	CT176		I,II
64	CT226	Niên luận cơ sở mạng máy tính và truyền thông	3	3			90	≥ 90 TC		I,II
65	CT439	Niên luận mạng máy tính và truyền thông	3	3			90	≥ 110 TC		I,II
66	CT476	Thực tập thực tế - TT&MMT	3	3			90	≥ 120TC, CT428, CT296, CT112		III
67	CT227	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3		N1	30	30			I,II
68	CT228	Tường lửa	3			30	30			I,II
69	CT229	Bảo mật website	2			20	20			I,II
70	CT222	An toàn hệ thống	3			30	30			I,II
71	CT344	Giải quyết sự cố mạng	2			30		CT335		I,II
72	CT232	Đánh giá hiệu năng mạng	3			30	30	CT112		I,II
73	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3		N2	30	30			I,II
74	CT230	Phát triển ứng dụng hướng dịch vụ	3			30	30	CT428		I,II
75	CT231	Lập trình song song	3			30	30			I,II
76	CT233	Điện toán đám mây	3			30	30			I,II
77	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30	CT176		I,II
78	CT555	Luận văn tốt nghiệp - TT&MMT	15				450	≥ 120 TC		I,II
79	CT507	Tiểu luận tốt nghiệp - TT&MMT	6				180	≥ 120 TC		I,II
80	CT338	Mạng không dây và di động	2			30		CT112		I,II
81	CT272	Thương mại điện tử - CNTT	3			30	30			I,II
82	CT234	Phát triển phần mềm nhúng	3			30	30			I,II
83	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3			30	30	CT171		I,II
84	CT235	Quản trị mạng trên MS Windows	3			30	30	CT112		I,II
85	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT180		I,II
86	CT237	Nguyên lý hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT180		I,II
87	CT251	Phát triển ứng dụng trên Windows	3			30	30	CT180, CT176		I,II
88	CT206	Phát triển ứng dụng trên Linux	3			30	30	CT180, CT176		I,II
89	CT238	Phân lớp dữ liệu lớn	3			30	30			I,II
90	CT332	Trí tuệ nhân tạo	3			30	30			I,II
91	CT202	Nguyên lý máy học	3			30	30			I,II
92	CT273	Giao diện người – máy	3			30	30			I,II
Cộng: 54 TC (Bắt buộc: 24 TC; Tự chọn: 30 TC)										
Tổng cộng: 156 TC (Bắt buộc: 111 TC; Tự chọn: 45 TC)										

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4,5 năm, bao gồm 9 học kỳ: có 8 học kỳ chính tích lũy kiến thức tại Khoa CNTT&TT, 1 học kỳ hè thực tập thực tế tại công ty và 1 học kỳ chính cuối sinh viên làm luận văn hoặc làm tiểu luận tốt nghiệp và học các học phần thay thế luận văn tốt nghiệp.
- Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ áp dụng Quyết định ban hành Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy 2742/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Trường ĐH Cần Thơ.
- Thời gian học tập tối thiểu là từ 3,5 - 4 năm và thời gian học tập tối đa là 9 năm.

Chương 5 KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU

Ngành: **Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu**

(Computer Networks & Data Communication)

Mã ngành: 7480102

Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn **Mạng máy tính và Truyền thông**, Khoa CNTT&TT

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộ c	Tự chọ n	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiền quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			SV học theo thời khóa biểu của Trường
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
6	CT100	Kỹ năng học đại học (khối ngành CNTT)	2	2		20	20			
Cộng			13	13	0					
Học kỳ 2 – Năm thứ 1										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
3	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
4	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				
5	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		45	30			
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			45				
Cộng			20	15	5					
Học kỳ 1 – Năm thứ 2										
1	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
	KN001	Kỹ năng mềm	2			30				
	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
3	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
4	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30			ML016	
5	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45				
6	TN012	Đại số tuyến tính & Hình học	4	4		60				
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
Cộng			19	14	5					
Học kỳ 2 – Năm thứ 2										
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
2	TC100	Giáo dục thể chất 2 (tiếp theo)	1		1		30			
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				

SỔ TAY SINH VIÊN KHÓA 47

4	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		
5	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
6	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
7	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60				
Cộng			18	14	4					
Học kỳ 1 – Năm thứ 3										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	TC100	Giáo dục thể chất 3 (tiếp theo)	1		1		30			
3	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
4	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
5	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		
6	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
7	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		
Cộng			18	17	1					
Học kỳ 2 – Năm thứ 3										
1	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30			
2	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30			
3	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
4	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			
5	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
6	CT335	Thiết kế và cài đặt mạng	3	3		30	30	CT112		
Cộng			17	17	0					
Học kỳ 1 – Năm thứ 4										
1	CT428	Lập trình Web	3	3		30	30	CT180, CT176		
2	CT221	Lập trình mạng	3	3		30	30	CT112, CT176		
3	CT211	An ninh mạng	3	3		30	30	CT112		
4	CT226	Niên luận cơ sở mạng MT và truyền thông	3	3			90	≥ 90 TC		
5	CT126	Lý thuyết xếp hàng	2		6	30				
	CT127	Lý thuyết thông tin	2			30				
	CT124	Phương pháp tính – CNTT	2			30				
	CT121	Tin học lý thuyết	3			30	30	CT101		
	CT224	Công nghệ J2EE	2			15	30	CT176		
	CT225	Lập trình Python	2			20	20	CT176		
	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3			30	30	CT176		
Cộng			18	12	6					
Học kỳ 2 – Năm thứ 4										
1	CT212	Quản trị mạng	3	3		30	30	CT112		
2	CT439	Niên luận mạng MT và truyền thông	3	3			90	≥ 110 TC		
3	CT227	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3	CN1	9TC CN1	30	30			
	CT228	Tường lửa	3			30	30			
	CT229	Bảo mật website	2			20	20			
	CT222	An toàn hệ thống	3			30	30			
	CT344	Giải quyết sự cố mạng	2			30		CT335		
	CT232	Đánh giá hiệu năng mạng	3			30	30	CT112		
4	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	CN2	9TC CN2	30	30			
	CT230	Phát triển ứng dụng hướng dịch vụ	3			30	30	CT428		
	CT231	Lập trình song song	3			30	30			
	CT233	Điện toán đám mây	3			30	30			
	CT482	Xử lý dữ liệu lớn	3			30	30	CT176		
Cộng			15	6	9					
Học kỳ hè – Năm thứ 4										
1	CT476	Thực tập thực tế - TT&MMT	3	3			60	≥120TC, CT428,		

SỔ TAY SINH VIÊN KHÓA 47

								CT109, CT112		
Cộng			3	3	0					
Học kỳ 1 – Năm thứ 5										
1	CT555	Luận văn tốt nghiệp – TT&MMT	15		15		300	≥ 120 TC		
2	CT507	Tiểu luận tốt nghiệp – TT&MMT	6				120	≥ 120 TC		
3	CT338	Mạng không dây và di động	2			30		CT112		
4	CT272	Thương mại điện tử -CNTT	3			30	30			
5	CT234	Phát triển phần mềm nhúng	3			30	30			
6	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3			30	30	CT171		
7	CT235	Quản trị mạng trên MS Windows	3			30	30	CT112		
8	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT180		
9	CT237	Nguyên lý hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3			30	30	CT180		
10	CT251	Phát triển ứng dụng trên Windows	3			30	30	CT180, CT176		
11	CT206	Phát triển ứng dụng trên Linux	3			30	30	CT180, CT176		
12	CT238	Phân lớp dữ liệu lớn	3			30	30			
13	CT332	Trí tuệ nhân tạo	3			30	30			
14	CT202	Nguyên lý máy học	3			30	30			
15	CT273	Giao diện người - máy	3			30	30			
Cộng			15	0	15					
TỔNG CỘNG			156	111	45					

PHẦN III

TƯ VẤN SINH VIÊN VÀ CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Chương 6 TƯ VẤN SINH VIÊN

1. Chương trình đào tạo sinh viên ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu có các định hướng nào?

- Lập trình ứng dụng Web, thiết bị di động
- Quản trị và thiết kế hệ thống mạng
- Dữ liệu lớn
- Tính toán lưới và điện toán đám mây
- Giải thuật song song
- Internet kết nối vạn vật
- Mạng không dây
- Robot
- An ninh mạng
- Phần mềm tự do nguồn mở

2. Tổ chức, cơ quan, công ty tuyển dụng sinh ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu

- FPT, TMA Solutions, VNPT, DEK Technologies, Axon Active
- VNPT, Vinaphone, Viettel
- Sở Thông tin truyền thông, Sở Y tế, Sở Giáo dục đào tạo, Sở Khoa học và công nghệ
- Trường Cao đẳng, Đại học

3. Ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu khác với các ngành Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm như thế nào?

Ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu và các ngành khác (Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, ...) đều thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin. Về cơ bản, các khối kiến thức giáo dục đại cương (2 năm đầu), kiến thức cơ sở ngành (năm thứ 3) hoàn toàn giống nhau giữa các ngành. Từ năm thứ 4 trở về sau, ngành mạng máy tính hướng chuyên vào các lĩnh vực như phát triển ứng dụng Web, thiết bị di động, Big data, điện toán đám mây, an ninh mạng.

4. Vị trí việc làm của Kỹ sư Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu là gì?

- Nhân viên quản trị, chuyên trách về mạng máy tính, công nghệ thông tin ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Cán bộ nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin ở các viện, trung tâm nghiên cứu;
- Giảng viên công nghệ thông tin ở các trường trường đại học, cao đẳng, giáo viên trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;
- Chuyên viên tư vấn, phân tích, thiết kế, xây dựng, bảo trì mạng máy tính và an ninh mạng;
- Lập trình viên trong các công ty thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.

5. Sinh viên tốt nghiệp ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu có thể làm việc ở đâu?

- Các công ty phát triển phần mềm, thiết kế website, gia công phần mềm trong và ngoài nước; bộ phận vận hành và phát triển CNTT của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng, v.v. các doanh nghiệp có ứng dụng CNTT; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc lĩnh vực CNTT.
- Làm việc ở bộ phận công nghệ thông tin hoặc cần ứng dụng công nghệ thông tin của tất cả các đơn vị nhu cầu (hành chính sự nghiệp, ngân hàng, viễn thông, hàng không, xây dựng).
- Làm việc tại các công ty tư vấn về đề xuất giải pháp, thiết kế, xây dựng và bảo trì các hệ thống mạng, an ninh mạng
- Có thể tự phát triển các sản phẩm phần mềm, ứng dụng trên thiết bị di động.

6. Sinh viên ngành Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu cần bổ sung những môn học và kiến thức gì để chuyển sang các ngành khác trong nhóm ngành Công nghệ thông tin?

Sinh viên có thể đăng ký học một số học phần tự chọn trong chương trình Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu có liên quan đến các chuyên ngành khác. Ví dụ, sinh viên có thể đăng ký học các môn như Thương mại điện tử, Phát triển phần mềm nhúng, Quản lý dự án phần mềm, Quản trị cơ sở dữ liệu, Nguyên lý hệ quản trị cơ sở dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Nguyên lý máy học, Giao diện người – máy. Sinh viên có thể tìm đề tài khóa luận, tiểu luận thuộc các lĩnh vực trong các chuyên ngành mà sinh viên quan tâm.

7. Các khó khăn trong học tập thường gặp phải là gì?

Khi sự hào hứng ban đầu mới lên học Đại học qua đi, sinh viên sẽ phải đối mặt với nhiều trở ngại sau đó. Ngoài những khó khăn như sống xa gia đình, tiền bạc thì những khó khăn của sinh viên còn nhiều vấn đề khác cần nói đến.

Khi bước chân vào đại học, sinh viên sẽ bắt đầu một cuộc sống mới, cuộc hành trình mới sống tự lập và trải nghiệm bản thân, chuẩn bị những nền tảng vững chắc cho tương lai. Hầu hết tất cả học sinh, sinh viên đều có chung những khó khăn khi chưa kịp chuẩn bị tinh thần cho những thách thức mới tại trường đại học. Cần thêm một khoảng thời gian để có thể thích ứng với cuộc sống mới. Nếu muốn hành trình này trải qua thuận lợi thì nhiều sinh viên phải chuẩn bị tốt hơn cả về tinh thần và kỹ năng để trải qua những vấn đề gặp thường xuyên đó tại môi trường đại học.

Những khó khăn thường gặp của sinh viên**Điều chỉnh cuộc sống mới**

Năm đầu tiên đi học đại học sinh viên luôn gặp phải khó khăn ban đầu trong việc điều chỉnh cuộc sống mới theo giờ giấc học tập mới, ăn nghỉ khác thời gian ở nhà. Nhiều bạn sẽ cảm thấy xa lạ vì sự khác nhau giữa môi trường đại học và học phổ thông, có quá nhiều sự

khác biệt trong học tập và trong cuộc sống. Tất cả các vấn đề từ học tập đến thói quen sinh viên sẽ phải tự chủ động điều chỉnh và sống phù hợp với môi trường bậc đại học.

Sinh viên ít được tiếp xúc với những kiến thức về kinh tế, xã hội, đến khi lên đại học cùng một lúc phải học tất cả các kiến thức mới mà học sinh không được học ở bậc phổ thông. Nhiều thói quen bị đảo lộn mà nhiều sinh viên đã không thích ứng được với điều kiện học tập mới nên đã bỏ cuộc.

Tuy nhiên, sinh viên đừng quá lo lắng về điều này vì chỉ sau một thời gian thích nghi sinh viên sẽ sớm làm quen được với cuộc sống mới và thay đổi mới. Quan trọng là sinh viên cần dành thời gian để tìm hiểu về cuộc sống mới và từ đó thích nghi với những thay đổi để có sự điều chỉnh bản thân cho phù hợp. Khi đó vấn đề trở nên nhẹ nhàng hơn rất nhiều, sinh viên sẽ dần cảm nhận khoảng thời gian đại học có rất nhiều điều thú vị và bản thân cũng phát triển được nhiều kiến thức cũng như kỹ năng khi học đại học.

Khó khăn trong việc chi tiêu

Đây là vấn đề đầu tiên mà hầu như sinh viên nào cũng gặp phải nhất là những bạn sinh viên năm nhất. Ngoài việc cắt tiền cẩn thận bạn còn phải chi tiêu ra sao, cân đo đong đếm như thế nào cho vừa phải để đủ những khoản chi tiêu trong tháng. Tránh gặp phải tình cảnh đầu tháng chi tiêu quá mức và cuối tháng phải cầm cự bằng “mì tôm”.

Học tập

Ở bậc học phổ thông, học sinh sẽ ghi chép bài theo ý thầy cô giảng dạy và làm bài tập về nhà, phải học bài để đầu giờ hôm sau lên trả bài. Ở bậc đại học, sinh viên phải biết lên kế hoạch, sắp xếp thời gian học tập, tự học. Chính vì vậy, sinh viên cũng gặp phải không ít khó khăn như trong quá trình học, tự học, tự tìm tài liệu trên mạng hoặc hỏi bạn bè mà ít khi được thầy cô “cầm tay chỉ việc” như học sinh phổ thông.

Thi cử

Ở bậc đại học, mức độ căng thẳng của kiểm tra giữa kỳ, thi học kỳ rất cao, nếu dưới 4/10 điểm sẽ phải học lại nên các sinh viên mỗi kỳ thi lại bắt đầu căng não nhồi nhét kiến thức.

Mục tiêu học tập

Ở bậc học đại học, mục tiêu học tập cần đạt chính là kỹ năng cần thiết, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, chứ không phải là điểm số. Chính vì vậy sinh viên cần phải biết lên kế hoạch, sắp xếp thời gian học tập, tự học, để có được kỹ năng cần thiết.

Nhớ nhà

Hầu hết sinh viên đều sẽ có chung cảm giác nhớ nhà vào những ngày đầu đại học, những ai quê xa còn phải xa nhà trong một khoảng thời gian dài. Bởi vậy, sinh viên rất cần có những người bạn cùng khoa, cùng lớp và cùng phòng trọ để giúp bạn mau quên đi nỗi nhớ nhà. Thông qua facebook, sinh viên có thể liên lạc với gia đình bằng điện thoại, máy tính. Khó khăn sẽ sớm qua đi.

Làm thân với bạn mới

Ở môi trường đại học, sinh viên đến từ mọi miền đất nước, hoàn cảnh khác nhau, sinh viên không phải muốn kết bạn là sẽ kết thân được. Người bạn có thể chia sẻ được phải là người hiểu mình, quan tâm nhau và có tiếng nói quan điểm chung. Sinh viên có thể tìm kiếm cho

mình những người bạn hoặc nhóm bạn mới thông qua câu lạc bộ, lớp học thêm,...thực tế có rất nhiều sinh viên cũng đã tìm được cho mình người bạn chân thành với mình thời học đại học.

Rèn luyện sự tự lập

Sinh viên nên tạo cho mình thói quen đi học đúng giờ, không được bỏ học, tự giác học tập do không có sự giám sát từ cha mẹ và gia đình. Đây là một thói quen tốt kể cả sau này sinh viên đi làm cũng phải giữ được đức tính kỷ luật này.

Vấn đề nhà ở

Sinh viên có thể ở trọ tại ký túc xá của các Trường hoặc sẽ thuê trọ ở bên ngoài. Tuy nhiên sinh viên rất khó khăn để tìm cho mình nơi ở phù hợp giá tiền và gần chỗ học, có an ninh bảo đảm, mức giá thuê, khoảng cách xa gần trường học, cơ sở vật chất.

Ngủ quên trên chiến thắng

Nhiều sinh viên năm nhất đã từng nghĩ rằng lên học đại học là sướng vì không bị cha mẹ quản lý, được xả hơi sau chuỗi ngày ôn thi vất vả. Nhiều sinh viên cũng vì “ngủ quên trên chiến thắng”, dành thời gian để chơi, xa đà vào ăn chơi, tiêu tốn tiền bạc của cha mẹ, học hành sa sút, phải học lại và thi lại khi đó mới nhận ra và muốn quay trở lại thì không biết bắt đầu từ đâu.

Đôi mắt với nhiều “cú sốc”

Sinh viên mới đều phải đôi mắt với nhiều “cú sốc” do môi trường sống thay đổi, kiến thức mới, áp lực học tập dồn dập, phải thực tập, thực hiện đồ án, rèn luyện ngoại ngữ, kỹ năng mềm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Bệnh tật

Việc thay đổi chỗ ở, môi trường khí hậu, thời tiết, thức ăn dễ làm cho sinh viên không kịp thích nghi và mắc các bệnh như cảm sốt, đau họng, nhức đầu, rối loạn tiêu hóa. Để phòng bệnh tốt, sinh viên nên tự chuẩn bị một số kiến thức cơ bản, có sẵn thuốc cần thiết, để kịp thời xử lý trong những trường hợp không may xảy ra.

Sắp xếp thời gian giữa việc học và làm thêm

Thời gian mới lên đại học, rất nhiều sinh viên dành nhiều thời gian vào các hoạt động ngoại khóa mới mẻ mà quên nhiệm vụ chính là học tập. Chính vì vậy, sinh viên cần sắp xếp thời gian phù hợp cho những hoạt động tại trường. Khi học đại học sự tự do vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho sinh viên, tự do nhưng không có nghĩa là tùy tiện để gây hậu quả thật khó lường. Sinh viên phải biết suy nghĩ và điều chỉnh thời gian hợp lý cho bản thân để tránh đi quá xa vào lối sống hao tốn thời gian vô ích. Sinh viên nên sắp xếp thời gian hợp lý để không ảnh hưởng học tập

Quản lý thời gian một cách khoa học và hợp lý sẽ giúp sinh viên cân bằng được giữa việc học và những hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt cá nhân. Khi có một kế hoạch học tập và làm bài, sinh viên hãy dành thời gian cụ thể để hoàn thành nó rồi làm việc khác tránh giảm bớt căng thẳng và làm chủ được những công việc của mình.

Giải pháp khắc phục những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên

Chủ động kết bạn với mọi người

Sinh viên cần chủ động kết bạn và hòa đồng với các bạn sinh viên khác trong lớp để trao đổi, thảo luận bài tập cũng như chia sẻ cuộc sống. Tốt nhất sinh viên nên làm quen mọi người khi mới vào lớp học để có người chia sẻ quan điểm học tập.

Không nên thức quá khuya

Sinh viên cần giữ sức khỏe cho cơ thể, không nên thức quá khuya và sa đà vào thức quá khuya vào những trò game trên điện thoại, máy tính, mạng xã hội. Không có cha mẹ quản lý, sinh viên nên tự biết chăm sóc bản thân và có ý thức tự giác trong quản lý thời gian.

Đừng ngại hỏi hay nhờ giúp đỡ

Sinh viên đừng ngần ngại khi đặt câu hỏi cho giảng viên hay bạn bè trong lớp vì kiến thức đại học rất rộng và khác, chương trình học cũng rất nhiều kiến thức khó. Cách tốt nhất để sinh viên theo kịp bài giảng bằng cách hỏi hoặc nhờ sự giúp đỡ từ giảng viên, bạn bè trong lớp.

Cân đối chi tiêu cho bản thân

Sinh viên nên cân đối chi tiêu hợp lý cũng như học cách tiết kiệm hàng tháng khi gia đình chu cấp để không xảy ra tình trạng thiếu hụt. Nếu sống chung với xóm trọ nên tạo sự thân thiện với mọi người như học nhóm, nấu ăn chung, chia sẻ nguồn lực, tài nguyên.

Rèn luyện và chứng minh khả năng sống tự lập

Môi trường học đại học là cơ hội cho sinh viên được rèn luyện và chứng minh khả năng sống tự lập. Sinh viên phải tự lập học tập, tự quản lý thời gian, chi tiêu, giao tiếp và tự kiếm tiền làm thêm nếu sắp xếp được. Tự lập sẽ giúp bạn có được một cuộc sống sinh viên ý nghĩa, đầy trưởng thành.

Đời sinh viên là quãng thời gian rất đẹp và ý nghĩa đối với những ai từng trải qua, dù có chút thiếu thốn nhưng sinh viên cần tập và tạo cho mình một thái độ lạc quan, rèn luyện sức chịu đựng và trưởng thành. Đối mặt với cám dỗ, khó khăn và thử thách trong cuộc sống sinh viên sẽ góp phần trau dồi, rèn luyện bản thân các bạn ngày một trưởng thành, chín chắn hơn.

8. Đoàn khoa CNTT&TT

Đoàn thanh niên Khoa CNTT&TT là một đơn vị thuộc Khoa CNTT&TT. Đoàn thanh niên Khoa CNTT&TT tổ chức thành các Chi đoàn. Mỗi lớp sinh viên thành lập một Chi đoàn bao gồm các Đoàn viên trong lớp đó.

Xem chi tiết tại: <http://www.cit.ctu.edu.vn/doankhoa>

9. Nghiên cứu khoa học

Trong suốt quá trình học tập, sinh viên được sự hỗ trợ tốt nhất từ phía nhà Trường, Khoa, Giảng viên, để tham gia hoặc thực hiện các nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu các vấn đề mới, công nghệ mới nhằm:

- Nâng cao kiến thức chuyên ngành (kỹ năng cứng)

- Nâng cao kỹ năng mềm (làm việc nhóm, thuyết trình)
- Khả năng tự chủ, tự học tập, sáng tạo
- Tiếp cận công nghệ mới
- Đáp ứng nhu cầu xã hội, cơ hội tìm việc làm

10. Hỗ trợ học tập và tham quan thực tế

Trong suốt quá trình học tập, sinh viên được sự hỗ trợ tốt nhất từ phía nhà Trường, Khoa, Giảng viên. Điều kiện và môi trường học tập của sinh viên luôn được đảm bảo ở điều kiện thuận lợi nhất:

- Trung tâm học liệu (thư viện)
- Giáo trình bài giảng
- Không gian đọc
- Không gian sáng chế
- Hệ thống máy tính, kết nối mạng, internet, điện toán đám mây
- Hệ thống elcit (e-learning)
- Hướng dẫn học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học
- Tham quan, thực tập thực tế, trao đổi ngắn hạn với các Trường trong khu vực như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc
- Khi đã tích lũy được từ 120 tín chỉ, sinh viên có thể đi thực tập thực tế 2 tháng ở công ty, cơ quan, tập đoàn, doanh nghiệp

11. Các kỹ năng sinh viên cần rèn luyện khi trở thành sinh viên

Dưới đây là một số kỹ năng cần thiết mà các bạn sinh viên cần rèn luyện trong suốt quá trình đào tạo:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng thuyết phục
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian cá nhân
- Kỹ năng tìm kiếm thông tin
- Kỹ năng soạn thảo văn bản
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Ngoại ngữ

Chương 7 NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ HỌC VỤ DÀNH CHO SINH VIÊN

1. Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.1 Quy chế đào tạo đại học chính quy

Trường ĐH Cần Thơ ban hành Quyết định số 2093/QĐ-ĐHCT, ngày 17/08/2020 của Hiệu trưởng về Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

Xem chi tiết tại:

https://dsa.ctu.edu.vn/images/upload/vbanply/2021/Vanban/QD1813_QD_ban_hanh_Quy_dinh_cong_tac_hoc_vu_2021.pdf

1.2 Quy trình đăng ký môn học

Sinh viên cần thường xuyên theo dõi thông báo trên website của hệ thống đăng ký và các email thông báo thời điểm đăng ký học phần cho học kỳ mới.

Xem hướng dẫn đăng ký môn học tại:

<https://www.youtube.com/watch?v=Z3EsqtiZtH4>

2. Tín chỉ, tiết học và khối lượng chương trình đào tạo

Kiến thức của mỗi học phần và toàn khóa học được đo lường bằng tín chỉ (TC). Thời lượng của TC được quy định như sau:

- 1 TC = 15 tiết học lý thuyết và 30 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, seminar... và 15 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 45 tiết thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, niên luận, tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp.
- Một tiết học được tính bằng 50 phút
- Khối lượng chương trình đào tạo 4,5 năm là 156

3. Quy trình đăng ký học phần

Sinh viên dựa vào kế hoạch học tập (KHHTTK) và thời khóa biểu (TKB) các học phần giảng dạy trong học kỳ (HK) do Trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung. Sau tuần lễ thứ 2 của HK, sinh viên vào hệ thống quản lý trực tuyến để in “Kết quả đăng ký học phần”.

Lưu ý:

- Danh mục các học phần sẽ mở ở HK được quy định trong danh mục tra cứu (chương trình đào tạo (CTĐT) và được công bố 6 tuần trước khi bắt đầu HK.

- Danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức giảng dạy sẽ được công bố 1 tuần trước khi bắt đầu HK.

- Trong 1 tuần đầu của HK, sinh viên có thể xóa hoặc đăng ký bổ sung những học phần mới thay cho các học phần mà Trường không thể mở được. Sau thời gian trên, kết quả đăng ký học phần của sinh viên sẽ được cố định.

- Chậm nhất là tuần lễ thứ 8 của HK chính và tuần lễ thứ 2 của HK phụ nếu thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được trả lại học phí. Muốn rút bớt học phần, sinh viên vào hệ thống quản lý trực tuyến của Trường để thực hiện. Những học phần đã rút sẽ nhận điểm W trong bảng điểm HK.

- Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc học phần sẽ bị điểm F của học phần đó.

4. Xóa và mở thêm lớp học phần

Xóa lớp học phần: Trường sẽ xóa những lớp học phần có số lượng đăng ký ít hơn 25 sinh viên, những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định. Trong tuần đầu HK, những sinh viên đã đăng ký các học phần bị xóa do không đủ điều kiện mở lớp được phép đăng ký học phần khác để thay thế (trừ các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập tại cơ sở, GDQP&AN, GDTC).

Mở thêm lớp học phần: trong thời gian quy định đăng ký học phần của HK, nếu có nhiều hơn 25 sinh viên có nguyện vọng học, được trưởng bộ môn và trưởng khoa quản lý học phần đó chấp thuận, Trường sẽ mở thêm lớp học phần theo đề nghị.

5. Đăng ký học lại

Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là học phần bắt buộc sinh viên phải đăng ký học lại những học phần này; nếu là học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học lại hoặc chọn học phần tự chọn khác.

Sinh viên có thể đăng ký học để cải thiện kết quả. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần học cải thiện bị điểm F sẽ không tính giảm một mức hạng tốt nghiệp.

Đối với học phần tự chọn, nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của nhóm học phần tự chọn, khi xét tốt nghiệp sinh viên có thể lựa chọn học phần có điểm cao để tính vào ĐTBCTL.

6. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ sinh viên chỉ đăng ký với số lượng TC như sau:

Học kỳ chính

a) Sinh viên đăng ký học tối đa 20 TC. Những sinh viên chỉ còn lại ≤ 25 TC của CTĐT được đăng ký tối đa 25 TC.

b) Đối với HK đầu tiên, sinh viên không phải đăng ký học phần. Các học phần của HK này sẽ do Trường bố trí.

c) Sinh viên bị cảnh báo học vụ chỉ được phép đăng ký tối đa 14 TC.

Học kỳ phụ

Sinh viên đăng ký tối đa 8 TC. Trường không bắt buộc sinh viên phải học HK này.

Tuỳ theo năng lực học tập và điều kiện cá nhân, sinh viên nên đăng ký học với số TC phù hợp để đạt kết quả học tập tốt.

7. Giờ lên lớp

Sinh viên phải dự 100% số tiết đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập tại cơ sở, GDQP&AN, GDTC; phải tham dự tối thiểu 80% số tiết đối với các học phần lý thuyết. SV vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Giảng viên (GV) giảng dạy học phần đề nghị trưởng khoa duyệt danh sách SV bị cấm thi và cho điểm F vào bảng điểm.

Vào buổi học đầu tiên, GV thông báo cho sinh viên biết đề cương chi tiết học phần (nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá, cách tính điểm...).

Công tác giảng dạy, học tập được thực hiện 6 ngày/tuần (trừ Chủ nhật). Thời gian giảng dạy trong ngày được phân bố như bảng dưới đây:

BUỔI HỌC	TIẾT HỌC	GIỜ HỌC	THỜI GIAN NGHỈ
SÁNG	1	07:00 – 07:50	Không
	2	07:50 – 08:40	10 phút
	3	08:50 - 09:40	10 phút
	4	09:50 - 10:40	Không
	5	10:40 – 11:30	
CHIỀU	6	13:30 – 14:20	Không
	7	14:20 – 15:10	10 phút
	8	15:20 – 16:10	Không
	9	16:10 – 17:00	
	10	Tiết nghỉ chung	
TỐI	11	18:20 – 19:10	Không
	12	19:10 – 20:00	

8. Học cùng lúc hai chương trình

Trong quá trình học, sinh viên có thể học thêm một chương trình khác để lấy thêm văn bằng thứ hai (nếu có nhu cầu). Khi tích lũy đầy đủ những học phần theo chương trình thứ hai, sinh viên sẽ được cấp văn bằng của chương trình thứ hai.

1. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo ở chương trình thứ nhất và không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.

b) Hoàn thành HK đầu tiên và có ĐTBCTL từ 2,00 trở lên.

c) Khoa quản lý chương trình thứ hai còn khả năng tiếp nhận thêm sinh viên.

2. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

a) Sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai vào đầu mỗi HK chính (theo thông báo của Trường).

b) Khi có quyết định chấp thuận học cùng lúc hai chương trình, sinh viên tự nghiên cứu CTĐT của chương trình thứ hai và bổ sung các học phần cần phải học vào KHHTTK để đăng ký học phần.

c) Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên sẽ được chuyển về khoa quản lý chương trình thứ hai để quản lý và được bố trí Cố vấn học tập (CVHT) mới. Khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ xét các học phần của CTĐT thứ hai được miễn do đã tích lũy ở CTĐT thứ nhất và sinh viên sẽ xây dựng kế hoạch học tập (KHHTTK) của CTĐT thứ hai dưới sự hướng dẫn của CVHT mới.

3. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

4. Tổng số TC cho phép đăng ký ở HK chính là 20 TC. Riêng HK cuối khóa học được phép đăng ký tối đa 25 TC.

5. Thời gian học cùng lúc hai chương trình được tính trong tổng thời gian học tối đa của chương trình thứ nhất. Sinh

chỉ được công nhận tốt nghiệp đối với chương trình thứ hai sau khi đã được công nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên đang học cùng lúc hai chương trình, nếu ĐTBCHK dưới 2,00 sẽ không được đăng ký học học phần thuộc chương trình thứ hai ở HK tiếp theo. Khi nào kết quả học tập được cải thiện mới được học tiếp chương trình thứ hai.

9. Đánh giá học phần

Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%.

Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do giảng viên đề xuất, trưởng bộ môn, trưởng khoa quản lý học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

10. Điểm học phần

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng số điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào hệ thống quản lý trực tuyến, hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B ⁺	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C ⁺	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D ⁺	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Học phần chỉ được tính tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.

Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 để tính điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK) và điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL).

Các điểm học phần khác

a) Điểm M: Dùng để xác nhận học phần sinh viên được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào (ĐTBCHK) và ĐTBCTL. Số TC của học phần có điểm M được tính vào tổng số TC tích lũy. Để nhận điểm M, sinh viên phải làm đơn có ý kiến của Cố vấn học tập (CVHT) và trưởng khoa xem xét theo từng HK, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

b) Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (sinh viên đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được giảng viên phụ trách học phần chấp thuận cho bổ sung điểm). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, sinh viên phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho giảng viên giảng dạy học phần xem xét và trình trưởng khoa duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do giảng viên quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu sinh viên không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

c) Điểm W: Dành cho các học phần mà sinh viên được phép rút theo quy định. Điểm W không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

11. Số lần thi, tổ chức thi và vắng thi

Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức 1 lần. Lịch thi kết thúc học phần phải được thông báo đến tất cả sinh viên chậm nhất 1 tuần trước ngày thi.

Thời gian tổ chức thi được thực hiện theo quy định. Đối với các học phần riêng lẻ, giảng viên tự sắp xếp để tổ chức thi; đối với các học phần có nhiều sinh viên, được giảng dạy nhiều lớp học phần thì sẽ thi theo lịch chung do khoa quản lý học phần xếp.

Trong thời gian thi kết thúc học phần, nếu sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi, được Cố vấn học tập (CVHT) và giảng viên giảng dạy học phần chấp thuận thì được phép vắng thi. Sinh viên được phép vắng thi sẽ nhận điểm I theo quy định.

12. Quy định về thi và kiểm tra

Sinh viên có trách nhiệm chấp hành các quy định về thi và kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Thực hiện đúng lịch kiểm tra và thi của Trường, của khoa, của bộ môn. Phải có mặt đúng giờ, nếu đến trễ 15 phút sau khi mở đề, sinh viên sẽ không được dự thi và xem như vắng thi không lý do, sẽ nhận điểm F cho học phần đó.

2. Phải mang bảng tên (hoặc xuất trình giấy tờ khác có ảnh, được đóng dấu giáp lai) khi vào phòng thi. Tuyệt đối phục tùng sự kiểm tra, quản lý và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Túi xách, tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm... phải để tập trung đúng nơi quy định.

3. Không được ra khỏi phòng thi trong thời gian làm bài. Các trường hợp đặc biệt cần cho ra ngoài đều phải lập biên bản.

4. Bài thi phải làm trên giấy thi thống nhất, viết rõ ràng, sạch sẽ. Được sử dụng bút mực hoặc bút bi màu xanh dương, đen hoặc tím; thước kẻ; thước tính; máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản; giấy nháp có chữ ký của CBCT.

5. Trong giờ thi sinh viên phải giữ trật tự, nghiêm túc làm bài và bảo vệ bài làm của mình, không để người khác chép bài của mình. Nếu có thắc mắc phải hỏi công khai. Nếu ốm đau bất thường phải báo cáo để CBCT giải quyết.

6. Những bài thi sau đây là không hợp lệ và không được chấm điểm:

- a) Làm bài trên giấy thi khác với giấy thi quy định.
- b) Không có chữ ký của CBCT.
- c) Viết bằng bút chì, mực đỏ (hình vẽ có thể dùng bút chì).
- d) Các bài làm giống nhau.
- e) Vẽ bậy, viết bậy trong bài thi.

7. Hết giờ làm bài, sinh viên phải ngừng viết, để bài làm trước mặt và im lặng chờ CBCT thu bài. Khi nộp bài phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi.

Sinh viên vi phạm các quy định trên đây sẽ bị CBCT lập biên bản. Tùy theo mức độ nặng nhẹ xử lý kỷ luật theo quy định.

13. Các hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy định về thi và kiểm tra

1. Khiển trách khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

- a) Nhìn bài của người khác.
- b) Trao đổi, thảo luận với người khác.

Sinh viên bị khiển trách sẽ bị trừ 25% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị khiển trách 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn khoa.

2. Cảnh cáo khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

- a) Đã bị khiển trách một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.
- b) Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (xử lý cả 2 sinh viên).
- c) Chép bài của người khác hoặc để cho người khác chép bài của mình.

d) Không phục tùng sự quản lý, nhắc nhở của CBCT hoặc có thái độ vô lễ đối với CBCT.

Sinh viên bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị cảnh cáo thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn Trường.

3. Đình chỉ thi khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

- a) Đã bị cảnh cáo một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.
- b) Sau khi mở đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người (hoặc nơi ngồi của mình) những vật dụng không được phép mang vào phòng thi.
- c) Sử dụng giấy nháp hoặc bài làm của người khác (xử lý cả 2 sinh viên).
- d) Đưa đề thi ra ngoài nhờ người khác làm hộ hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.
- e) Có hành động gây rối hoặc đe dọa CBCT hoặc sinh viên khác.

Sinh viên bị đình chỉ thi bị nhận điểm 0 cho lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị đình chỉ thi 2 lần trong một năm học sẽ bị đình chỉ học tập 1 năm sau đó. Nếu tái phạm sẽ bị buộc thôi học.

4. Xử lý thi hộ: áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

a) Vi phạm lần thứ nhất:

- Người nhờ thi hộ: nhận điểm 0 học phần đó, đình chỉ học tập 1 năm.
- Người thi hộ: đình chỉ học tập 1 năm.

b) Vi phạm lần thứ hai (trong cả khóa học): buộc thôi học.

Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ do Hội đồng kỷ luật của Trường xử lý.

14. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Số tín chỉ (TC) tích lũy là tổng số TC của các học phần đã tích lũy.

2. Điểm trung bình chung học kỳ là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong học kỳ (HK, kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện trừ học phần GDTC), với trọng số là số TC của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo học vụ sau mỗi HK.

3. Điểm trung bình chung năm học (ĐTBCHNH) là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong 2 học kỳ chính của năm học (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện trừ học phần GDTC).

4. Điểm trung bình chung tích lũy là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần bị điểm F và học phần điều kiện). ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học tập, xếp hạng tốt nghiệp.

5. Xếp loại học tập HK căn cứ vào ĐTBCHK; xếp loại học tập năm học căn cứ vào ĐTBCHNH theo bảng sau:

Xếp loại	ĐTBCHK/ĐTBCHNH
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Trung bình yếu	1,00 - 1,99
Kém	< 1,00

15. Thông báo kết quả học tập

1. Giảng viên chịu trách nhiệm: trả bài kiểm tra và bài thi tại lớp; nhập điểm học phần vào hệ thống quản lý trực tuyến và in thành hai (02) bản, ký tên, gửi Khoa quản lý học phần. Khoa quản lý học phần lưu một (01) bản và gửi về Phòng Đào tạo một (01) bản chậm nhất là 10 ngày sau ngày thi của học phần. Trưởng khoa quản lý học phần xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do khoa quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm.

3. Kết thúc khoá học, Trường cấp bằng điểm học tập toàn khóa cho sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

4. Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đăng ký cấp bằng điểm học kỳ theo nhu cầu riêng; mức chi phí do Trường quy định.

16. Xếp hạng năm đào tạo

Xếp hạng năm đào tạo được xác định dựa vào tổng số tín chỉ (TC) đã tích lũy, không dựa vào thời gian sinh viên vào Trường. Sau mỗi học kỳ (HK), căn cứ vào khối lượng TC tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Xếp hạng năm đào tạo	Số TC đã tích lũy (K.36 đến K.39)	Số TC đã tích lũy (từ K.40 trở về sau)
Năm thứ nhất	Dưới 30	Dưới 36
Năm thứ hai	Từ 30 đến dưới 60	Từ 36 đến 70
Năm thứ ba	Từ 60 đến dưới 90	Từ 71 đến 105
Năm thứ tư	Từ 90 đến dưới 120	Từ 106 đến 140
Năm thứ năm	Từ 120 trở lên	Trên 140

17. Điểm rèn luyện

1. Mức độ rèn luyện của sinh viên được đánh giá từng học kỳ (HK) của 2 học kỳ chính và đo lường bằng điểm rèn luyện (ĐRL) được chấm theo thang điểm 100 dựa vào các quy định hiện hành. ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL 2 học kỳ chính. HK phụ không tính ĐRL.

2. Sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

4. Sinh viên không thực hiện bảng đánh giá kết quả rèn luyện hoặc không nộp bảng đánh giá đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại kém ở HK đó.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp sẽ bị đình chỉ học tập một học kỳ.

6. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

7. Sử dụng điểm rèn luyện:

a) Điểm rèn luyện toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên, ghi vào bảng điểm học tập toàn khóa của sinh viên khi ra trường.

b) Điểm rèn luyện của sinh viên từng HK là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

18. Xếp loại và khen thưởng

1. Xếp loại: sinh viên học đủ số tín chỉ (TC) theo quy định (từ 15 TC trở lên cho mỗi học kỳ HK), có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế chương trình đào tạo (CTĐT), không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện sẽ được xếp loại như sau:

a) Loại xuất sắc: Học tập và rèn luyện đạt loại xuất sắc.

b) Loại giỏi: Học tập đạt từ loại giỏi và rèn luyện đạt từ loại tốt trở lên. c) Loại khá: Học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên.

2. Khen thưởng

a) Sinh viên trúng tuyển vào Trường có điểm cao sẽ được khen thưởng theo quyết định của Hiệu trưởng:

b) Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian thiết kế của CTĐT:

- Sinh viên đạt từ loại khá toàn khóa trở lên được xét thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo sẽ được cấp giấy khen và phần thưởng.

- Sinh viên đạt từ loại giỏi toàn khóa trở lên sẽ được cấp giấy khen.

c) Khen thưởng sinh viên cuối mỗi năm học: Hiệu trưởng xét cấp giấy khen và phần thưởng cho mỗi lớp chuyên ngành một sinh viên được xếp loại giỏi trở lên.

Trường hợp sinh viên có cùng kết quả học tập thì ưu tiên chọn sinh viên có điểm rèn luyện (ĐRL) cao hơn. 3. Định mức khen thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

19. Điều kiện xét tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; ĐTBCTL của các học phần đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);
- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần GDQP&AN phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

Hằng năm, Sinh viên được xét tốt nghiệp vào tháng 1, tháng 6 và tháng 8. Sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp. Lễ trao bằng tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 4 và tháng 9.

Sinh viên đăng ký xét tốt nghiệp thông qua hệ thống quản lý trực tuyến của Trường.

Hội đồng xét tốt nghiệp chịu trách nhiệm xét tốt nghiệp đúng thời hạn, đúng đối tượng và đề nghị Hiệu trưởng công nhận những Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Sinh viên chịu trách nhiệm thẩm định và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được nhận quyết định công nhận tốt nghiệp, bằng điểm học tập toàn khóa và bằng tốt nghiệp. Sinh viên phải nộp chi phí thực hiện bản sao bằng tốt nghiệp do Trường quy định (nếu có yêu cầu).

20. Sinh viên nghỉ học tạm thời

Sinh viên có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang

b) Ốm đau, tai nạn phải điều trị trong thời gian dài (có xác nhận của cơ quan y tế)

c) Vì nhu cầu cá nhân (hoàn cảnh gia đình neo đơn, việc riêng...). Trường hợp này chỉ giải quyết khi sinh viên đã học ít nhất 1 học kỳ ở Trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và phải có điểm trung bình tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian để hoàn thành CTĐT

Nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ được nhận quyết định cho phép nghỉ học của Hiệu trưởng. Khi hết thời gian nghỉ học tạm thời và chậm nhất là 2 tuần trước khi HK mới bắt đầu, sinh viên phải nộp hồ sơ xin học lại. Nếu đủ điều kiện, Hiệu trưởng sẽ có quyết định thu nhận sinh viên học lại.

21. Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học

Sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học vụ

- Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo
- Không đăng ký học trong học chính mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng

Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 học kỳ

- Bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 học kỳ
- Có điểm rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp

Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 năm

- Bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm
- Có điểm rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp

Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học

- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học
- Đã bị cảnh báo học vụ và học kỳ chính kế tiếp có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00
- Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép
- Không đăng ký học trong 2 học kỳ chính liên tiếp mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng
- Không đóng học phí 2 học kỳ liên tiếp
- Có điểm rèn luyện yếu, kém 2 học kỳ liên tiếp lần thứ hai
- Đã hết thời gian tối đa được phép học

22. Điều kiện đi thực tập thực tế và thực hiện khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên cần tích lũy từ 120 tín chỉ trở lên có thể đi thực tập thực tế và làm khóa luận tốt nghiệp. Để chuẩn bị tốt cho kỳ thực tập thực tế và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên cần nắm vững các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

23. Học phần tương đương**Xét công nhận học phần tương đương**

- Thời gian thực hiện quy trình khi bắt đầu học kỳ đến khi sắp kết thúc mỗi học kỳ
- Xét tương đương những học phần trong chương trình đào tạo không còn mở lớp với một học phần khác có cùng nội dung và khối lượng kiến thức
- Áp dụng cho tất cả sinh viên có nhu cầu xét công nhận học phần tương đương
- Sinh viên thực hiện đúng quy trình xét công nhận học phần tương đương: sinh viên nộp đơn xét công nhận học phần tương đương, đơn vị quản lý ngành kiểm tra, xét duyệt và gửi hồ sơ có liên quan về phòng đào tạo, phòng đào tạo kiểm tra và phản hồi về đơn vị quản lý ngành, phòng đào tạo cập nhật kết quả vào hệ thống quản lý, sinh viên kiểm tra kết quả trên hệ thống quản lý.

24. Các loại học phần

- Học phần bắt buộc: học phần sinh viên phải tích lũy
- Học phần tự chọn: học phần sinh viên tự lựa chọn để tích lũy
- Học phần tiên quyết của học phần CT--- nào đó: học phần mà sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký và học phần CT---
- Học phần song hành của học phần CT--- nào đó: học phần mà sinh viên phải học trước hoặc học cùng lúc với học phần CT---
- Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và tích lũy nhưng kết quả không được tính vào điểm trung bình chung tích lũy, ví dụ như GDQP, GDTC, AVCB, THCB.

25. Học bổng và trợ cấp xã hội**Học bổng khuyến khích học tập**

- Học bổng khuyến khích học tập được xét cấp theo học kỳ (HK) dựa trên cơ sở điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK) và điểm rèn luyện (ĐRL) của HK chính trước đó. Riêng đối với HK đầu tiên của khóa học, học bổng được cấp dựa trên kết quả xét tuyển đầu vào do Hiệu trưởng quyết định (không bao gồm điểm ưu tiên)
- Quỹ học bổng cấp cho sinh viên từng lớp chuyên ngành được công bố từ đầu khóa học và sẽ được điều chỉnh nếu nguồn quỹ học bổng của Trường có thay đổi
- Điều kiện để được xét học bổng:
Có số TC đăng ký tối thiểu trong HK chính trước đó là 15 TC (trừ trường hợp do Trường bố trí);
HK chính trước đó, sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện đạt từ loại khá trở lên, không có học phần dưới điểm D;
Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên
- Tiêu chuẩn cho từng mức học bổng được xác định như sau:
Mức học bổng loại xuất sắc: ĐTBCHK và ĐRL đạt loại xuất sắc
Mức học bổng loại giỏi: ĐTBCHK đạt từ loại giỏi và ĐRL đạt từ loại tốt trở lên

Mức học bổng loại khá: ĐTBCHK và ĐRL đạt từ loại khá trở lên

- Học bổng cho SV đi học tập ở nước ngoài: SV được cấp HBKKHT còn được xét cấp học bổng để đi học nước ngoài theo Quy chế số 770/QĐ-ĐHCT, ngày 15/3/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ
- Mức học bổng do Hiệu trưởng quyết định
- Học bổng khuyến khích học tập được xét cấp theo học kỳ (HK) dựa trên cơ sở điểm

Học bổng tài trợ

Hàng năm, Trường xét cấp học bổng tài trợ từ nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân,... trong và ngoài nước theo Quy định về quản lý và cấp phát học bổng tài trợ.

Quỹ hỗ trợ sinh viên

Khi gặp khó khăn đột xuất về kinh tế, SV có thể làm đơn trình bày rõ hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Cố vấn học tập (CVHT) và trưởng khoa để Hiệu trưởng xem xét.

Trợ cấp xã hội

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao; sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; sinh viên tàn tật trên 41%; sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ đói.

26. Học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Học phí đóng theo học kỳ (HK) và tính theo tổng số TC mà sinh viên đã đăng ký học ở HK đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quyết định.

Đối tượng được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo các quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

(Hồ sơ hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại website Phòng Công tác Sinh viên).

Sau thời hạn đóng học phí, sinh viên không đóng học phí sẽ bị hủy kết quả học tập những học phần nợ học phí trong HK đó và buộc phải đóng học phí còn nợ cùng lúc với học phí của HK tiếp theo. Không đóng học phí 2 học kỳ liên tiếp sẽ bị buộc thôi học.

27. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng sinh viên

Bảo hiểm y tế (BHYT): sinh viên phải nộp phí BHYT theo các quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, ngày 14/11/2008 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bảo hiểm tai nạn (BHTN): Trường khuyến khích sinh viên tham gia nộp BHTN.

Tín dụng sinh viên: sinh viên có thể xin vay tín dụng từ các Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình sinh viên cư trú. Trường sẽ cấp giấy xác nhận để sinh viên bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

28. Điều chỉnh thông tin cá nhân

Sinh viên điều chỉnh thông tin cá nhân (do nhập sai) làm theo hướng dẫn như sau:

- 1) Ghi thông tin điều chỉnh tại trang điều chỉnh.
- 2) Sinh viên điều chỉnh thông tin Ngày Vào Đoàn, thông tin về Chi Hội thì liên hệ Văn Phòng Đoàn Khoa hoặc Đoàn Trường.
- 3) Sau 05 ngày, sinh viên kiểm tra lại hệ thống để kiểm tra lại thông tin cập nhật (trừ Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ).
- 4) Nếu sinh viên có thắc mắc vui lòng liên hệ trực tiếp Phòng Công tác Sinh viên hoặc email: ttkhai@ctu.edu.vn để được hướng dẫn.

29. Tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự

Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự (do Phòng Công tác Sinh viên ký thừa lệnh Hiệu trưởng) thì thực hiện theo các bước:

- 1) Điền đầy đủ thông tin tại trang đăng ký.
- 2) Thời gian nhận: lúc 16 giờ ngày hôm sau (trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ).

Địa điểm nhận: Phòng Công tác Sinh viên.

- 3) Trường hợp sinh viên đăng ký nhưng không liên hệ để nhận sau 7 ngày sẽ xem xét về việc trừ Điểm rèn luyện.

30. Hồ sơ vay vốn ở địa phương

Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận để bổ sung hồ sơ vay vốn ở địa phương làm theo hướng dẫn như sau:

- 1) Điền đầy đủ thông tin tại trang đăng ký.
- 2) Thời gian nhận: lúc 16 giờ ngày hôm sau (trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ).

Địa điểm nhận: Phòng Công tác Sinh viên.

- 3) Trường hợp sinh viên đăng ký nhưng không liên hệ để nhận sau 7 ngày sẽ xem xét về việc trừ Điểm rèn luyện.
- 4) Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận 01 tờ/ học kỳ.

31. Thực hiện công tác xã hội**Thanh niên tình nguyện**

- Hưởng ứng Ngày Môi trường Thế Giới
- Hoạt động “Trung thu cho em”, hoạt động vì cộng đồng của sinh viên
- Hưởng ứng đổi rác thải nhựa lấy quà tặng
- Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè
- Hiến máu tình

- Con đường nổi những niềm vui
- Thăm phụ dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng
- Hoạt động đền ơn đáp nghĩa
- Sinh viên Đại học Cần Thơ tham gia hỗ trợ chương trình “Tiếp sức mùa thi” tại các tỉnh ĐBSCL
- Ngày hội Tư vấn tuyển sinh
- Ngày hội việc làm
- Hoạt động tình nguyện và giao lưu với trường Đại học của các nước trong khu vực

Tuổi trẻ sáng tạo

- Khởi nghiệp
- Sáng tạo
- Cà phê khoa học
- Nghiên cứu khoa học
- Sinh viên 5 tốt
- Olympic Tin học, lập trình ACM/ICPC
- Code War





**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**BỘ MÔN MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Địa chỉ: Khu 2, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Website: <http://www.cit.ctu.edu.vn>

Email: office@cit.ctu.edu.vn

Phone: 84 0292 3 734713 - 0292 3 831301

